

CÔNG TY CỔ PHẦN TGN HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TGN HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TGN HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110220449

3. Ngày thành lập: 04/01/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu tái định cư Dược Hạ, Xã Tiên Dược, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0973074760

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663

16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị. - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy;	4669
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
18.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
19.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không, quảng cáo thuốc lá)	7310
20.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
21.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
22.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810(Chính)
23.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
24.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
25.	Đúc sắt, thép	2431
26.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
27.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
28.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
29.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
31.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
33.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
34.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
36.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
37.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
40.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
41.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát	5630
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730
43.	Đại lý du lịch	7911
44.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế;	7912
45.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
46.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
47.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
48.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
49.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
50.	Thu gom rác thải độc hại	3812

51.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
52.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
53.	Tái chế phế liệu	3830
54.	Xây dựng nhà để ở	4101
55.	Xây dựng nhà không để ở	4102
56.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình điện	4221
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
61.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
62.	Xây dựng công trình thủy	4291
63.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
64.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
65.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
66.	Phá dỡ (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4311
67.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
68.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
69.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
71.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 38.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 3.800.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG NGUYỄN GIÁP	Thôn 25, Xã Mai Đĩnh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.330.0 00	13.300.000.000	35,000	0360840109 22	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.330.0 00	13.300.000.000	35,000		
2	VŨ THÀNH NAM	Thôn Đẳng Chương, Xã Yên Tiến, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.140.0 00	11.400.000.000	30,000	0720900004 52	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.140.0 00	11.400.000.000	30,000		

3	NGUYỄN DUY TÙNG	Thôn Lạc Nông, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.330.0 00	13.300.000.000	35,000	0260820002 06	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.330.0 00	13.300.000.000	35,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THÀNH NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Phó Giám đốc

Sinh ngày: 10/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 072090000452

Ngày cấp: 02/12/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đặng Chương, Xã Yên Tiến, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đặng Chương, Xã Yên Tiến, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

* Họ và tên: NGUYỄN DUY TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 06/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026082000206

Ngày cấp: 20/07/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Lạc Nông, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Lạc Nông, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: ĐẶNG NGUYỄN GIÁP

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 03/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036084010922

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn 25, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 25, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội